

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi

(Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi)

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 06/3/2025, Bộ Tài chính có Tờ trình Chính phủ số 61/TTr-BTC trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi – thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP (sau đây xin gọi chung là dự thảo Nghị định).

Ngày 18/6/2025, Phó Thủ Tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đã chủ trì cuộc họp giữa các đơn vị (Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội Vụ và Tư pháp) về một số nội dung tại dự thảo Nghị định nêu trên.

Ngày 24/6/2025, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 319/TB-VPCP thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc tại cuộc họp ngày 18/6/2025 về ý kiến còn khác nhau đối với dự thảo Nghị định như sau: "*Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan khẩn trương nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến của các cơ quan tại cuộc họp để sớm hoàn thiện dự thảo Nghị định, báo cáo Chính phủ theo đúng quy trình, trình tự thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, khả thi đồng bộ, thống nhất quy định với quy định tại Luật Giá và các quy định pháp luật có liên quan, không để xảy ra tiêu cực, lãng phí, thất thoát, trong đó lưu ý: (i) hoàn thiện các nội dung các Bộ, cơ quan đã thống nhất tại cuộc họp; (ii) rà soát các nội dung về thực hiện phân cấp, phân quyền bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về chính quyền địa phương 02 cấp, về đơn giản hóa thủ tục hành chính; về đối tượng hỗ trợ và các nội dung liên quan.*"

Về việc này, sau khi tổ chức họp giữa các đơn vị của Bộ Tài chính và các đơn vị của Bộ Nông nghiệp và Môi trường để trao đổi, thống nhất một số nội dung tại dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ những nội dung

theo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc tại dự thảo Nghị định như sau:

I. Nội dung quy định về chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

- Các nội dung liên quan đến điều kiện đặt hàng, đơn vị tính sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, hệ số quy đổi diện tích, lộ trình giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (gồm cả chi phí khấu hao, chi phí bảo trì) và danh mục sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác, trên cơ sở ý kiến thống nhất tại cuộc họp giữa các Bộ ngày 18/6/2025, Bộ Tài chính xin báo cáo Chính phủ không quy định các nội dung này tại dự thảo Nghị định (nội dung này đã báo cáo Chính phủ tại Tờ trình Chính phủ số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025).

- Đối với nội dung về việc quy định cơ quan, đơn vị xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo hướng đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi lựa chọn việc tự xây dựng hoặc đi thuê đơn vị tư vấn:

Bộ Tài chính đã sửa đổi, bổ sung tại điểm a Khoản 4 Điều 29 Dự thảo Nghị định về thẩm quyền, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi như sau:

"...Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi tập trung rà soát, sắp xếp bộ máy tổ chức doanh nghiệp đảm bảo tinh gọn, tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao năng lực, bố trí nguồn nhân lực lao động phù hợp nhằm chủ động trong việc lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để phục vụ định giá.

Trường hợp tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi do không thể xây dựng được phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi có thể đi thuê đơn vị tư vấn để xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Kết quả xây dựng phương án giá của đơn vị tư vấn được sử dụng làm một trong những căn cứ để tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi xem xét, quyết định trong việc lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Việc đi thuê đơn vị tư vấn xây dựng phương án giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và chi phí thuê tư vấn lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thực hiện theo quy định tại phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành."

II. Nội dung về chính sách của Nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi

1. Về đề nghị bổ sung quy định chung về đối tượng được hỗ trợ, tránh việc các địa phương khi áp dụng gây hiểu nhầm

Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ nguyên như dự thảo Nghị định. Đối tượng hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được kế thừa nguyên trạng theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP, Bộ Tài chính cũng chưa nhận được các ý kiến phản hồi phát sinh vướng mắc về đối tượng được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

2. Về bỏ các quy định liên quan đến cấp huyện theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và đơn giản hóa thủ tục, bỏ quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận diện tích (tại điểm đ khoản 2 Điều 16 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 19 dự thảo Nghị định).

Bộ Tài chính xin tiếp thu và sửa đổi tại dự thảo Nghị định. Trước đây tại dự thảo quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan xác nhận diện tích. Các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Như vậy sẽ giảm đi một bước trung gian, đơn giản hóa thủ tục trong việc xác nhận diện tích.

Các quy định liên quan đến cấp huyện theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại dự thảo Nghị định: Điểm đ khoản 2 Điều 16; Điểm b, điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 19, điểm a khoản 1 Điều 20; Khoản 2 Điều 23; Điểm a khoản 1 Điều 27 đã được sửa đổi tại dự thảo Nghị định.

3. Về quy trình, hồ sơ thanh toán hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đơn giản hóa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (tại Điều 20 dự thảo Nghị định)

Bộ Tài chính xin tiếp thu và sửa đổi tại dự thảo Nghị định theo phương án Luật NSNN đã được Quốc hội thống nhất thông qua ngày 25/6/2025, cụ thể: ***“Điều 20. Thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi***

1. Trường hợp, tổ chức khai thác công trình thủy lợi và tổ chức thủy lợi cơ sở cùng quản lý một công trình thủy lợi mà ở đó tổ chức khai thác công trình thủy lợi làm nhiệm vụ tạo nguồn hoặc tổ chức thủy lợi cơ sở được phân cấp quản lý một phần công trình trong hệ thống lưu vực công trình thủy lợi của tổ chức khai thác công trình thủy lợi thì tổ chức khai thác công trình thủy lợi ký hợp đồng với các tổ chức thủy lợi cơ sở làm căn cứ thanh toán kinh phí hỗ trợ.

2. Thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

- Việc thanh toán theo hình thức rút dự toán qua Kho bạc nhà nước.

- Cơ quan giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về việc quyết định phương thức, nội dung giao nhiệm vụ; được áp dụng theo quy định như đối với giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

- Hồ sơ thanh toán qua Kho bạc nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

4. Về đề nghị quy định ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương chưa cân đối được ngân sách theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước vừa được thông qua đối với kinh phí hỗ trợ hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng

Tiếp thu ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ và ý kiến của đơn vị liên quan, Bộ Tài chính sửa đổi quy định tại Điều 25 dự thảo Nghị định, cụ thể: ***“Điều 25. Phương thức, mức hỗ trợ của ngân sách trung ương***

1. Các địa phương nhận bổ sung cân đối trên 70%: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt quá 70% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp;

2. Các địa phương nhận bổ sung cân đối từ 50% đến 70%: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt quá 50% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp;

3. Các địa phương nhận bổ sung cân đối dưới 50%: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt quá 30% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp;

4. Các địa phương không nhận bổ sung cân đối: Chủ động sử dụng Ngân sách địa phương để thực hiện”.

III. Về thủ tục hành chính

Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 không phát sinh tục hành chính mới và không có thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung cần phải báo cáo theo quy định.

IV. Nội dung phân cấp, phân quyền:

Đối với nội dung này, Bộ Tài chính xin báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ như sau:

- Đối với nội dung về tăng cường phân cấp, phân quyền liên quan đến định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi:

Tại Luật Giá 2023, việc định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đã phân cấp, phân quyền định giá rõ ràng theo hướng ở trung ương do Bộ Tài chính định giá tối đa đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo phương thức đặt hàng và khung giá đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường định giá cụ thể; ở địa phương do UBND cấp tỉnh định giá cụ thể đối với sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo phương thức

đặt hàng và giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của địa phương.

- Đối với nội dung về tăng cường phân cấp, phân quyền liên quan đến chính sách về hỗ trợ của nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi:

Tại dự thảo Nghị định, các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

(Chi tiết các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định tại Phụ lục kèm theo).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chính sách hỗ trợ của nhà nước trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi, Bộ Tài chính xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định. /.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLGS.



Lê Tấn Cận



Phụ lục

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số 426 /TTr-BTC ngày 7/7/2025 của Bộ Tài chính)

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
1	Khoản 1 Điều 1 1. Khoản 4 Điều 35 về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và lộ trình thực hiện giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi	1. Khoản 4 Điều 35 về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.	Tiếp thu ý kiến các đơn vị tại cuộc họp với Phó Thủ tướng
2	Khoản 2 Điều 3 2. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được xác định bằng đồng Việt Nam (VNĐ) cho một đơn vị sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và trong phạm vi công trình được giao quản lý, không bao gồm phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến mặt ruộng.	2. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được xác định bằng đồng Việt Nam (VNĐ) cho một đơn vị sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và trong phạm vi công trình được giao quản lý của tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi, không bao gồm phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến mặt ruộng.	Quy định cho rõ hơn là phạm vi công trình được giao quản lý là của đơn vị nào
3	Điểm đ Khoản 2 Điều 16 đ) Đối với các nội dung thuộc	đ) Đối với các nội dung thuộc	Trước đây tại dự thảo quy định Ủy

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT-Tr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	đổi tương đương hỗ trợ đã được giao nhiệm vụ, đặt hàng, đầu thầu; tổ chức khai thác công trình thủy lợi đã tổ chức thực hiện và phát sinh chi phí nhưng do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác (quy hoạch,...) nên không được nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì được hỗ trợ một phần chi phí thực tế đã phát sinh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ căn cứ khả năng chi trả của ngân sách địa phương nhưng không vượt mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này. Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận nội dung thuộc đối tượng được hỗ trợ đã nêu trên làm căn cứ xác định kinh phí được hỗ trợ đồng thời với việc xác nhận diện tích được hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.	Lương công việc, diện tích thuộc đối tượng được hỗ trợ đã được giao nhiệm vụ, đặt hàng, đầu thầu; tổ chức khai thác công trình thủy lợi đã tổ chức thực hiện và phát sinh chi phí nhưng do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn và trường hợp bất khả kháng khác (quy hoạch,...) nên không được nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thì được hỗ trợ <u>từ một phần đến toàn bộ</u> chi phí thực tế đã phát sinh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ căn cứ khả năng chi trả của ngân sách địa phương nhưng không vượt mức hỗ trợ quy định tại <u>điểm a, điểm b, điểm c</u> khoản 2 Điều này. <u>Ủy ban nhân dân cấp xã huyện xác nhận nội dung kê khai khối lượng công việc, diện tích</u> thuộc đối tượng được hỗ trợ đã nêu trên làm căn cứ xác định kinh phí được hỗ trợ đồng thời với việc xác <u>định</u> nhận diện diện tích được hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.	ban nhân dân cấp huyện là cơ quan xác nhận diện tích. Các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Như vậy sẽ giảm đi một bước trung gian, đơn giản hóa thủ tục trong việc xác nhận diện tích.
4	Khoản 1 Điều 19 1. Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm,	1. Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch	Sửa đổi để không trích dẫn rõ số văn bản khi văn bản được sửa đổi, bổ

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Trình số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	dịch vụ công ích thủy lợi được ghi thành một chỉ tiêu riêng và được tổng hợp trong dự toán chung của địa phương và Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Việc lập, phân bổ và giao dự toán cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật đấu thầu, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi về ngân sách nhà nước, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật đấu thầu, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi về ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các quy định pháp luật khác có liên quan.	vụ công ích thủy lợi được ghi thành một chỉ tiêu riêng và được tổng hợp trong dự toán chung của địa phương và Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Việc lập, phân bổ và giao dự toán cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật đấu thầu, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi về ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các quy định pháp luật khác có liên quan.	sung hoặc thay thế
5	Điểm a Khoản 2 Điều 19 a) Xác định khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào bản đồ địa	a) Xác định khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào bản đồ địa chính và bản đồ hiện	- Gộp điểm a và điểm b khoản 2 Điều 19 quy định chung tổ chức, cá nhân dùng nước để bao quát hết các đối tượng. - Các nội dung thuộc trách nhiệm của

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/Tr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	chính và bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai hoặc bản đồ giải thửa hoặc thực tế diện tích đất, mặt nước sản xuất; hình thức cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước; hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giữa Tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi với các Hộ dùng nước (bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, doanh nghiệp, trạm trải thí nghiệm, nông trường hoặc ký trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân) phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để lập bảng kê đối tượng, diện tích đất được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai;	trạng sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai hoặc bản đồ giải thửa hoặc thực tế diện tích đất, mặt nước đang sản xuất; hình thức cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước; hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi với các Hộ <u>tổ chức, cá nhân</u> dùng nước (bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, doanh nghiệp, trạm trải thí nghiệm, nông trường hoặc ký trực tiếp với các hộ gia đình, cá nhân) phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để lập bảng kê (<u>kèm danh sách các hộ gia đình, diện tích đất của từng hộ gia đình</u>) xác định đối tượng, diện tích đất, <u>mặt nước đang sản xuất</u> được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai;	cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Như vậy sẽ giảm đi một bước trung gian, đơn giản hóa thủ tục trong việc xác nhận diện tích.
6	Điểm b Khoản 2 Điều 19 b) Trường hợp hộ dùng nước được xác định là Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng	Bỏ điểm này	- Gộp điểm a và điểm b khoản 2 Điều 19 quy định chung tổ chức, cá nhân dùng nước để bao quát hết các

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	nước, doanh nghiệp, trạm trại thí nghiệm, nông trường thì phải có bảng danh sách các hộ gia đình, diện tích đất của từng hộ gia đình kèm theo; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng được hỗ trợ có diện tích đất, mặt nước đang sản xuất và đang cư trú chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát và xác nhận diện tích được hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận.		đối tượng. - Các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Như vậy sẽ giảm đi một bước trung gian, đơn giản hóa thủ tục trong việc xác nhận diện tích.
7	Điểm c, d, đ Khoản 2 Điều 19 c) Đối với các địa phương chưa thành lập doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở chưa thực hiện ký Hợp đồng cấp nước, tưới nước, tiêu nước thì Hợp đồng cấp nước, tưới nước, tiêu nước thì xác định diện tích căn cứ theo Bảng kê của Ủy ban nhân dân cấp xã và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	eb) Đối với các địa phương chưa thành lập doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở chưa thực hiện ký Hợp đồng cấp nước, tưới nước, tiêu nước thì <u>Ủy ban nhân dân cấp xã xác định diện tích căn cứ theo lập bảng kê (kèm danh sách các hộ gia đình, diện tích của từng hộ gia đình) của Ủy ban nhân dân cấp xã và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước pháp luật về</u>	Trước đây tại dự thảo quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan xác nhận diện tích. Các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
		<u>nội dung kê khai</u>	của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Như vậy sẽ giảm đi một bước trung gian, đơn giản hóa thủ tục trong việc xác nhận diện tích.
8	Điểm d, đ Khoản 2 Điều 19 d) Việc xác định diện tích đất được hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi dựa trên diện tích đất được Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt năm trước và dự kiến phần diện tích tăng, giảm do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp và trình (nếu có).	đc) Việc xác định diện tích đất, <u>mặt nước</u> được hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi dựa trên diện tích đất, <u>mặt nước</u> được Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt năm trước và dự kiến phần diện tích tăng, giảm do Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp và trình (nếu có). đd) Đối với trường hợp xác định theo nội dung công việc: Dự toán được xác định trên cơ sở các chi phí hợp lý để thực hiện nhiệm vụ, định mức kinh tế kỹ thuật (nếu có).	Bổ sung để bao quát việc xác định diện tích bao gồm đất và mặt nước cho phù hợp nội dung được hỗ trợ
9	Điểm a, b Khoản 3 Điều 19 a) Phòng chuyên môn về nông nghiệp cấp huyện tổng hợp dự toán của các đơn vị thuộc cấp huyện quản	a) <u>Cơ quan được ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ</u> Phòng chuyên môn về nông nghiệp tổng hợp dự toán của	Các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT-Tr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	lý gửi Phòng chuyên môn về tài chính, kế hoạch cấp huyện rà soát, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách cấp huyện; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra và gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp; b) Đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý một phần công trình nằm trong lưu vực hệ thống công trình thủy lợi của tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan đặt hàng với tổ chức khai thác công trình thủy lợi chịu trách nhiệm tổng hợp và gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung;	eác đơn vị thuộc cấp huyện quản lý gửi Phòng chuyên môn về tài chính, kế hoạch cấp huyện rà soát, tổng hợp dự toán của các đơn vị thuộc cấp xã quản lý vào dự toán chi ngân sách cấp huyện xã; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xã kiểm tra và gửi về Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp; b) Đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý một phần công trình nằm trong lưu vực hệ thống công trình thủy lợi của tổ chức khai thác công trình thủy lợi, cơ quan đặt hàng với tổ chức khai thác công trình thủy lợi chịu trách nhiệm tổng hợp <u>dự toán</u> và gửi Sở Tài chính <u>Nông nghiệp và Môi trường</u> để tổng hợp chung;	12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
10	Điều 20. Thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi 1. Hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích	1. Hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;	Sửa đổi theo phương án Luật NSNN đã được Quốc hội thông nhất thông qua ngày 25/6/2025

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT- BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	thủy lợi: a) Bảng kê có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng, công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. b) Tờ trình đề nghị phê duyệt khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. 2. Trường hợp, tổ chức khai thác công trình thủy lợi và tổ chức thủy lợi cơ sở cùng quản lý một công trình thủy lợi mà ở đó tổ chức khai thác công trình thủy lợi làm nhiệm vụ tạo nguồn hoặc tổ chức thủy lợi cơ sở được phân cấp quản lý một phần công trình trong hệ thống lưu vực công trình thủy lợi của, tổ chức khai thác công trình thủy lợi thì tổ chức khai thác công trình thủy lợi ký hợp đồng với các tổ chức thủy lợi cơ sở làm căn cứ thanh toán kinh phí hỗ trợ.	a) Bảng kê có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với đối tượng, công việc và diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. b) Tờ trình đề nghị phê duyệt khối lượng công việc, diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. 1.2. Trường hợp, tổ chức khai thác công trình thủy lợi và tổ chức thủy lợi cơ sở cùng quản lý một công trình thủy lợi mà ở đó tổ chức khai thác công trình thủy lợi làm nhiệm vụ tạo nguồn hoặc tổ chức thủy lợi cơ sở được phân cấp quản lý một phần công trình trong hệ thống lưu vực công trình thủy lợi của tổ chức khai thác công trình thủy lợi ký hợp đồng với các tổ chức thủy lợi cơ sở làm căn cứ thanh toán kinh phí hỗ trợ. 3.2. Thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi a) Thanh toán kinh phí theo	

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	3. Thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi a) Thanh toán kinh phí theo phương thức đặt hàng, đấu thầu: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước. b) Thanh toán kinh phí theo phương thức giao nhiệm vụ: - <u>Việc thanh toán theo hình thức rút dự toán qua Kho bạc nhà nước.</u> - Cơ quan giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về việc quyết định phương thức, nội dung giao nhiệm vụ; được áp dụng theo quy định như đối với giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại Nghị định của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên số 32/2019/NĐ-CP. Việc thanh toán theo hình thức rút dự toán qua Kho bạc nhà nước: - Mức tạm ứng và thanh toán tạm ứng: Lần đầu tạm ứng 60% kinh phí được	phương thức đặt hàng, đấu thầu: Thực hiện theo quy định của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc nhà nước. b) Thanh toán kinh phí theo phương thức giao nhiệm vụ: - Việc thanh toán theo hình thức rút dự toán qua Kho bạc nhà nước. - Cơ quan giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm về việc quyết định phương thức, nội dung giao nhiệm vụ; được áp dụng theo quy định như đối với giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước tại Nghị định của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên số 32/2019/NĐ-CP. Việc thanh toán theo hình thức rút dự toán qua Kho bạc nhà nước: - Mức tạm ứng và thanh toán tạm ứng: Lần đầu tạm ứng 60% kinh phí được	

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT-Tr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	phí được giao dự toán trong năm. Việc tạm ứng đột tiếp theo tối đa 30% kinh phí được giao dự toán trong năm khi đã thanh toán tối thiểu bằng 50% mức kinh phí đã tạm ứng đột trước đó. Thanh toán lần cuối đối với số kinh phí còn lại được giao dự toán trong năm khi có Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc đã hoàn thành khi kết thúc nhiệm vụ. - Hồ sơ kiểm soát, thanh toán gồm: + Hồ sơ tạm ứng: Quyết định giao dự toán/kinh phí của cấp có thẩm quyền cho cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho tổ chức khai thác công trình thủy lợi; Chứng từ chuyển tiền (tạm ứng). + Hồ sơ thanh toán: Chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp thanh	giao dự toán trong năm. Việc tạm ứng đột tiếp theo tối đa 30% kinh phí được giao dự toán trong năm khi đã thanh toán tối thiểu bằng 50% mức kinh phí đã tạm ứng đột trước đó. Thanh toán lần cuối đối với số kinh phí còn lại được giao dự toán trong năm khi có Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc đã hoàn thành khi kết thúc nhiệm vụ. - Hồ sơ kiểm soát, thanh toán gồm: <u>qua Kho bạc nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.</u> + Hồ sơ tạm ứng: Quyết định giao dự toán/kinh phí của cấp có thẩm quyền cho cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách; Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho tổ chức khai thác công trình thủy lợi; Chứng từ chuyển tiền (tạm ứng). + Hồ sơ thanh toán: Chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng). Biên bản nghiệm thu khối lượng,	

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	toán tạm ứng). Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc đã hoàn thành của cơ quan giao nhận nhiệm vụ với tổ chức khai thác công trình thủy lợi theo giai đoạn và thủy lợi theo giai đoạn và khi kết thúc nhiệm vụ.	chất lượng công việc đã hoàn thành của cơ quan giao nhận nhiệm vụ với tổ chức khai thác công trình thủy lợi theo giai đoạn và khi kết thúc nhiệm vụ. + Đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách;	
11	Điểm b Khoản 2 Điều 21 b) Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Trường hợp Hộ dùng nước là Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, trạm trại nước, trạm trại thí nghiệm, nông trường có <u>biến động về diện tích, đối tượng được hỗ trợ</u> thì phải có bảng danh sách các hộ gia đình, cá nhân và diện tích <u>thay đổi</u> của từng hộ gia đình, cá nhân kèm theo.	b) Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Trường hợp Hộ dùng nước là Ủy ban nhân dân cấp xã, hợp tác xã, tổ chức hợp tác dùng nước, trạm trại thí nghiệm, nông trường có <u>biến động về diện tích, đối tượng được hỗ trợ</u> thì phải có bảng danh sách các hộ gia đình, cá nhân và diện tích <u>thay đổi</u> của từng hộ gia đình, cá nhân kèm theo.	Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 quy định chung tổ chức, cá nhân dùng nước để bao quát hết các đối tượng.
12	Điều 23. Phạm vi, đối tượng 1. Phạm vi áp dụng: Chỉ xem xét hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với những địa phương xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng từ cấp	1. Phạm vi áp dụng: Chỉ xem xét hỗ trợ từ ngân sách Trung ương đối với những địa phương xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng từ cấp	- Các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT-Tr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	ngập lụt, ứng từ cấp độ 3 trở lên theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai hoặc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, khó khăn về ngân sách và có đề nghị bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 2. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức khai thác công trình thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các đơn vị khác liên quan được giao thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp.	độ 3 trở lên theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai hoặc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, khó khăn về ngân sách và có đề nghị bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. <u>Đối với những địa phương xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng dưới cấp độ 3 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai, ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai.</u> 2. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức khai thác công trình thủy lợi, Ủy ban nhân dân cấp huyện <u>xã</u> và các đơn vị khác liên quan được giao thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp.	phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Đồng thời, bổ sung quy định đối với địa phương xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng dưới cấp độ 3 để các địa phương thuận lợi trong triển khai thực hiện

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
13	Điểm b, d Khoản 1 Điều 24 b) Mua mới máy bơm đã chiến công suất nhỏ có giá trị dưới 30 triệu đồng hoặc công suất dưới 1.200 m³/h. d) Riêng khu vực Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long được hỗ trợ bổ sung kinh phí đáp ứng tạm ngăn mặn, trữ ngọt.	b) Mua mới máy bơm đã chiến công suất nhỏ có giá trị dưới 30 triệu đồng hoặc công suất dưới 1.200 m³/h. d) Riêng khu vực Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long Đối với các địa phương bị ảnh hưởng của thủy triều được hỗ trợ bổ sung kinh phí đáp ứng tạm ngăn mặn, trữ ngọt.	- Chỉ quy định máy bơm có giá trị lớn trên dưới 30tr là công cụ dụng cụ, không phải là tài sản cố định và không phải hạch toán tăng tài sản cố định (thuộc vốn đầu tư công) - Sau sáp nhập, hợp nhất các đơn vị hành chính thì chưa có quy định phân chia khu vực, vùng miền. Việc quy định như tại dự thảo để xác định rõ các địa phương thuộc khu vực được hỗ trợ
14	Điều 25. Phương thức, mức hỗ trợ của ngân sách trung ương 1. Các địa phương thuộc các tỉnh khu vực miền núi, Tây Nguyên: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt quá 70% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp; 2. Các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách còn lại: a) Các địa phương có tỷ lệ số	1. Các địa phương thuộc các tỉnh khu vực miền núi, Tây Nguyên: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt quá 70% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp; 2. Các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách còn lại: a) 1. Các địa phương nhận bổ sung cân đối trên 70%: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt	Tiếp thu ý kiến của các đơn vị tại cuộc họp với Phó Thủ tướng, sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT-Tr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	bổ sung cân đối/tổng chi ngân sách địa phương từ 50% trở lên: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt quá 50% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp; b) Các địa phương có tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi ngân sách địa phương dưới 50%: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt quá 30% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp; c) Tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi ngân sách địa phương xác định theo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao. 3. Các địa phương có điều tiết các khoản thu phân chia về Ngân	<u>quá 70% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp;</u> 2. Các địa phương có tỷ lệ số <u>nhân</u> bổ sung cân đối/tổng chi ngân sách địa phương từ 50% <u>đến 70%</u> <u>trở lên</u>: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt quá 50% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp; b) 3. Các địa phương có tỷ lệ số <u>nhân</u> bổ sung cân đối/tổng chi ngân sách địa phương dưới 50%: Ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa không vượt quá 30% mức thực chi để thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, ứng phục vụ sản xuất nông nghiệp; c) Tỷ lệ số bổ sung cân đối/tổng chi ngân sách địa phương xác định theo dự toán thu, chi ngân sách nhà nước hằng năm được Quốc hội quyết định, Thủ	

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tài trình số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	sách Trung ương: Chủ động sử dụng Ngân sách địa phương để thực hiện.	tướng Chính phủ giao. 4.3. Các địa phương có điều tiết các khoản thu phân chia về Ngân sách Trung ương <u>không nhận bổ sung cân đối</u>: Chủ động sử dụng Ngân sách địa phương để thực hiện.	
15	Điểm a Khoản 1 Điều 27 1. Biên bản thống kê nhu cầu kinh phí và xác định nhiệm vụ xử lý công trình thủy lợi phòng, chống hạn, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng (theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này): a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với công trình do địa phương quản lý) hoặc tổ chức khai thác công trình thủy lợi tại nơi có công trình thủy lợi cần hỗ trợ lập Biên bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung và kinh phí cần hỗ trợ.	1. Biên bản thống kê nhu cầu kinh phí và xác định nhiệm vụ xử lý công trình thủy lợi <u>nội dung hỗ trợ</u> phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng (theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này): a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện <u>xã</u> (đối với công trình do địa phương quản lý) hoặc tổ chức khai thác công trình thủy lợi tại nơi có công trình thủy lợi cần hỗ trợ lập Biên bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung và kinh phí cần hỗ trợ.	Các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT-Tr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	Điểm b Khoản 2 Điều 27 b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định số liệu gửi Bộ Tài chính, Bộ Tài chính căn cứ vào khả năng ngân sách nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định	b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định <u>tổng hợp</u> số liệu gửi Bộ Tài chính, Bộ Tài chính căn cứ vào khả năng ngân sách nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định	Sửa câu chữ
16	Điểm c khoản 3 Điều 29 c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi phối hợp với các Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra, rà soát điện tích, đối tượng được hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác về số liệu điện tích được hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;	c) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện <u>xã</u> thực hiện kiểm tra, rà soát điện tích, đối tượng được hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác về số liệu điện tích được hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;	Các nội dung thuộc trách nhiệm của cấp huyện sẽ chuyển về cấp xã, tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17	Điểm a Khoản 4 Điều 29 a) Chịu trách nhiệm xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và rà soát, báo cáo, đánh	a) Chịu trách nhiệm xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và rà soát, báo cáo, đánh giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và đảm	tiếp thu ý kiến các đơn vị tại cuộc họp với Phó Thủ tướng

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	giá phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và đảm bảo tính chính xác, tính hợp lý, hợp lệ theo quy định về số liệu, hồ sơ, tài liệu phương án giá và trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Trường hợp khi cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, những khoản chi phí không được coi là hợp lý, hợp lệ để hạch toán trong chi phí cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo kết luận của các cơ quan này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này, quy định hiện hành về kế toán, kiểm toán, thuế và các quy định pháp luật liên quan;	bảo tính chính xác, tính hợp lý, hợp lệ theo quy định về số liệu, hồ sơ, tài liệu phương án giá và trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Trường hợp khi cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, những khoản chi phí không được coi là hợp lý, hợp lệ để hạch toán trong chi phí cung ứng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo kết luận của các cơ quan này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này, quy định hiện hành về kế toán, kiểm toán, thuế và các quy định pháp luật liên quan; <i>Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi tập trung rà soát, sắp xếp bộ máy tổ chức doanh nghiệp đảm bảo tinh gọn, tiết kiệm, hiệu quả; nâng cao năng lực, bố trí nguồn nhân lực lao động phù hợp nhằm chủ động trong việc lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi để phục vụ định giá.</i> <i>Trường hợp tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi do không</i>	

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT-Tr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
		thể xây dựng được phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi có thể đi thuê đơn vị tư vấn để xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Kết quả xây dựng phương án giá của đơn vị tư vấn được sử dụng làm một trong những căn cứ để tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi xem xét, quyết định trong việc lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. Việc đi thuê đơn vị tư vấn xây dựng phương án giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan và chi phí thuê tư vấn thực hiện theo quy định tại phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.	
18	Điểm a, b Khoản 5 Điều 29 5. Hộ dùng nước a) Chỉ đạo, phối hợp với hộ gia đình, cá nhân thực hiện chính sách tưới tiết kiệm nước; b) Phối hợp với các hộ gia đình, cá nhân trong việc xác định	5. Hộ Tổ chức, cá nhân dùng nước a) Chỉ đạo, phối hợp với hộ gia đình, cá nhân thực hiện chính sách tưới tiết kiệm nước; b) Phối hợp với hộ gia đình tổ chức cá nhân khai thác công trình thủy lợi và Ủy ban nhân dân cấp xã trong	Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 19 quy định chung tổ chức, cá nhân dùng nước để bao quát hết các đối tượng.

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
	diện tích đất tưới nước, tiêu nước được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo đúng quy định;	việc xác định diện tích đất tưới nước, tiêu nước được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo đúng quy định;	
19	Không có Khoản 6	Bổ sung Khoản 6 Điều 29 6. Thẩm quyền và trách nhiệm của đơn vị sử dụng ngân sách và Kho bạc nhà nước a) Đơn vị sử dụng ngân sách (cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các cấp): Khi thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo việc thanh toán cho tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi đảm bảo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. b) Kho bạc nhà nước: Căn cứ đề nghị của đơn vị sử dụng ngân sách, Kho bạc nhà nước thực hiện tạm ứng, thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản	Bổ sung trách nhiệm của một số đơn vị trong việc thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TT-Tr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
		phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đảm bảo có trong dự toán của cấp có thẩm quyền giao theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.	
20	Điểm b Khoản 2 Điều 30 b) Việc thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Các nội dung liên quan đến hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Nghị định được thực hiện từ năm tài chính 2025 trở đi.	b) Việc thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Các nội dung liên quan đến hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Nghị định <u>này</u> được thực hiện từ năm tài chính 2026 trở đi.	Sửa đổi năm cho phù hợp
21	Điểm c Khoản 2 Điều 30: Không có	<u>Bổ sung Điểm c Khoản 2 Điều 30:</u> <u>c) Các nội dung thuộc nhiệm vụ của cấp huyện do cấp xã thực hiện từ ngày 01/7/2025 theo mô hình chính</u>	Bổ sung để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thực hiện công việc theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

STT	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH (Kèm Tờ trình số 61/TTTr-BTC ngày 06/3/2025)	NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO
		<u>quyền địa phương 2 cấp.</u>	

